

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 53/2019/HS-PT

Ngày 28/02/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thu Hương

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Thành Dương

Bà Võ Thị Thanh Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Quang Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2019/TLPT-HS ngày 09/01/2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn N, do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Mai Thị K đối với bản án hình sự sơ thẩm số 182/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**Nguyễn Văn N**, Sinh ngày 11/02/2002 tại: Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp T1, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị K; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tạm giữ từ 11/7/2018 đến ngày 14/7/2018. (Có mặt).

**Người đại diện theo pháp luật của bị cáo N:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974 và bà **Mai Thị K**, sinh năm 1977. Cùng trú tại: Ấp T1, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

**Người bào chữa cho bị cáo N:** Ông **Bùi Quang V** – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Bùi Quang V, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

**- Người bị hại:** Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1992. Trú tại: Tổ M, ấp T1, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Trần Đình Tường L, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T1, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N là hàng xóm của gia đình chị Trần Thị Mỹ H ngụ tại tổ M, ấp T1, xã B, huyện T, biết gia đình chị H có bán hàng tạp hóa và thường ở nhà một mình, nên N nảy sinh ý định cướp tài sản của chị H để lấy tiền tiêu xài. Vào lúc 14 giờ 40 phút ngày 10/7/2018, N mang theo 01 con dao bầu (lưỡi dao bằng thép dài 20cm, rộng 05cm, cán dao bằng thép dài 10cm) giấu trong túi quần bên phải phía trước rồi đi bộ đến trước quán tạp hóa của chị H. Lúc này, chị H đang ngồi trên võng trong phòng khách quay mặt ra hướng cửa chính, nên N đi bộ vào giả vờ hỏi chị H: “Bà L có ở nhà không (Bà L là mẹ của chị H), chị H hỏi lại: “Hỏi để làm gì?”, thì N nói tìm bà L để trả nợ tiền, nghe nói vậy chị H cho biết hiện N đang nợ tổng cộng số tiền 70.000 đồng, N nói chị H bán thêm 01 gói thuốc Zet rồi tính tiền luôn. Lúc này, N thấy gần chỗ chị H ngồi có túi nylon màu cam bên trong có đựng tiền nên N đi lại gần đứng sau lưng chị H rồi bắt ngờ rút con dao giấu sẵn trong người kề vào cổ chị H không chế, chị H vùng vẫy chống cự thì N đe dọa: “Không được la, nếu la thì giết”, chị H tiếp tục vùng vẫy và cắn vào mu bàn tay trái của N rồi bỏ chạy, N đuổi theo chém trúng vào vai phải và cánh tay trái của chị H. Chị H chạy ra đường tri hô “Cướp! Cướp..”. Lúc này, N lấy túi nylon màu cam bên trong có tiền và thẻ cào điện thoại rồi chạy ra đường trốn thoát. Nghe tiếng chị H tri hô, anh Đặng Công D ở gần đó đuổi theo N khoảng 200 mét thì phát hiện thấy N, anh D định xông vào bắt giữ thì N cầm dao và cục gạch đe dọa nên anh D không bắt được N. Sau đó N lấy tiền cất vào túi quần rồi lại túi nylon bên trong còn một số tiền và một số thẻ cào điện thoại các loại rồi bỏ trốn. Sau khi N bỏ trốn thì anh D lấy túi nylon do N bỏ lại mang về cho gia đình chị H. Kiểm tra bên trong túi nylon còn số tiền 87.000 đồng và 40 thẻ cào điện thoại các loại có tổng mệnh giá 950.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nylon màu cam, bên trong gồm có: Số tiền 1.907.000 đồng; 40 thẻ cào điện thoại di động các loại (04 thẻ cào của hãng Mobifone có mệnh giá 50.000 đồng; 01 thẻ cào của hãng Vinafone có mệnh giá 50.000 đồng; 18 thẻ cào của hãng Viettel có mệnh giá 20.000 đồng và 17 thẻ cào của hãng Mobifone có mệnh giá 20.000 đồng (Tại các bút lục số: 01-06; 57-74; 75-82).

Ngày 24/8/2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trảng Bom ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của chị Trần Thị Mỹ H. Tại bản kết luận giám định số: 0690/GDPY/2018 ngày 28/8/2018 của T1 pháp y – Sở y tế Đồng Nai kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo bả vai phải kích thước 4,5cm x 0,4cm, sẹo cẳng tay trái kích thước 2,3 x 0,3cm và sẹo đùi trái kích thước 7,5 x 0,4cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 2). Tỷ lệ: 06%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 06% (Sáu phần trăm).

3. Kết luận khác: Vật gây thương tích: Vật sắc (Tại các bút lục: 52-56).

Đối với con dao Nguyễn Văn N dùng để khống chế chị H. Trong quá trình bỏ trốn đã vứt bỏ. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy (Bút lục: 07).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 182/2018/HSST ngày 28/11/2018, Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị bắt chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi 3 ngày bị cáo bị tạm giữ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/12/2018, người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Mai Thị K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án: người đại diện theo pháp luật của bị cáo bà Mai Thị K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng không cung cấp tình tiết nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Tại cấp phúc thẩm, đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo thất học sớm nên việc nhận thức, làm chủ hành vi còn hạn chế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị K, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm vào tội “Cướp tài sản”.

[2] Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo có nhân thân tốt,

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi sự việc xảy ra đã bồi thường khắc phục hậu quả là những tình tiết được quy định tại các điểm điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết nào đặc biệt để Hội đồng xét xử xem xét nên bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Về thiếu sót của cấp sơ thẩm: Bản án sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168 là chưa chính xác mà phải áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự mới chính xác. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự là thiếu sót nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Người đại diện theo pháp luật của bị cáo bà Mai Thị K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị bắt chấp hành án phạt tù nhưng được trừ đi 03 ngày bị cáo bị tạm giữ.

2. Về án phí: Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo bà Mai Thị K phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- TAND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng PV27 – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người đại diện của bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Thu Hương**